

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HOÀ- TỈNH PHÚ THỌ
Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/02/2018
V/v Tranh chấp HNGĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ - TỈNH PHÚ THỌ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Võ

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Nguyễn Văn Tiệm**
- 2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa ,
tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2017/TLST - HNGĐ
ngày 17 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/12/2017 và Thông
báo mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Công T**, sinh năm 1979. Có mặt.

Bị đơn: Chị **Vũ Thị Thu H**, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Đều trú tại: Khu 2, xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Công T trình bày:

Anh kết hôn với chị Vũ Thị Thu H ngày 22/01/2003, được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai người không hợp

nhau, chị H đã về nhà mẹ đẻ ở từ đầu năm 2015. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị H để giải phóng cho bản thân và ổn định cuộc sống.

Về con chung:

Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Công A1, sinh ngày 09/8/2004 hiện cháu A1 đang ở cùng anh, sau ly hôn anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay chung, công sức đóng góp:

Anh xác định vợ chồng không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị H đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc. Làm việc tại UBND xã A xác nhận chị H có mặt tại địa phương hiện đang ở cùng mẹ đẻ là bà Vũ Thị H1 tại khu 8, xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Bà Vũ Thị H1 là mẹ đẻ chị Vũ Thị Thu H đã nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án và thông báo phiên hòa giải, thông báo phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa cho chị Vũ Thị Thu H, bà H1 cam kết sẽ thông báo và giao tận tay cho chị Vũ Thị Thu H còn viện chị H có đến Tòa án làm việc không bà không biết. Vì chị H không đến làm việc và tham gia phiên hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Phát biểu tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Hạ hòa đã khẳng định quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Bùi Công T ly hôn với chị Vũ Thị Thu H.

Về con chung:

Giao cho anh Bùi Công T trực tiếp nuôi cháu Bùi Công A1, sinh ngày 09/8/2004 kể từ tháng 02/2018 cho đến khi cháu A1 thành niên. Chị Vũ Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh Bùi Công T không yêu cầu.

Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập, tổng đạt hợp lệ cho chị Vũ Thị Thu H có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhưng chị H đều vắng mặt không lý do. Bà Vũ Thị H1 là mẹ đẻ chị Vũ Thị Thu H đã nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án và thông báo phiên hòa giải, thông báo phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa lần thứ nhất chị H vắng mặt không lý do, Tòa án đã giao thông báo mở lại phiên tòa lần 2 cho chị Vũ Thị Thu H, bà H1 cam kết sẽ thông báo và giao tận tay cho chị Vũ Thị Thu H nhưng chị H không có mặt vì vậy vụ án không hòa giải được.

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 điều 227- BL TTDS Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Bùi Công T với chị Vũ Thị Thu H kết hôn với nhau ngày 22/01/2003, được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh vợ chồng không hợp nhau, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2015, vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn chị H để giải phóng cho bản thân và ổn định cuộc sống.

Tòa án đã tiến hành làm việc tại địa phương nơi vợ chồng anh T và chị H chung sống, UBND xã A xác định: Quá trình chung sống của anh T và chị H từ khi kết hôn năm 2003 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại khu 8, xã A, huyện H từ tháng 12/2015 cho đến nay hai người không trở về chung sống cùng nhau nữa. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Xét quá trình chung sống của anh T và chị H có căn cứ khẳng định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã đến mức độ trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T và chị H là phù hợp với điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Bùi Công A1 , sinh ngày 09/8/2004 hiện cháu A1 đang ở cùng anh, sau ly hôn anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Cháu Bùi Công A1 có ý kiến xin ở cùng anh T

Xét thấy nguyện vọng của anh T và cháu A1 là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay gì, anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị H vắng mặt không có ý kiến của chị H về các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau ly hôn nếu phát sinh tranh chấp mà các bên đương sự có yêu cầu thì Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo :

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân :

Xử: Cho anh Bùi Công T được ly hôn với chị Vũ Thị Thu H.

Về con chung:

Xử: Giao cho anh Bùi Công T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Công A1, sinh ngày 09/8/2004 kể từ tháng 02/2018 cho đến khi cháu A1 thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không bên nào được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp:

Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này, sau ly hôn nếu phát sinh tranh chấp có yêu cầu Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí:

Anh Bùi Công T chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hoà theo biên lai số 0003346 ngày 17/11/2017 (Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND H. Hạ Hòa
- Chi cục THADS H. Hạ Hòa
- Lưu HS- VP
- UBND xã A

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Võ